TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2021/KDTM-ST
Ngày: 24/3/2021
"V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Nguyễn Thị Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thi Thị Hoàng Yến là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 46/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xi măng N; Địa chỉ: Số 67 C, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình T– Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền có ông Lê Văn M; Địa chỉ phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Cán bộ kinh doanh Công ty Cổ phần Xi măng N theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-NHS ngày 02 tháng 12 năm 2020. Ông Lê Văn M có mặt.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường); Địa chỉ: 105 NT– 5C, phường Àn, quận L, thành phố Đà Nẵng. Bà Đoàn Thị Hvắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2020 của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xi măng N, bảng tự khai đề ngày 05/01/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn M trình bày:

Công ty Cổ phần Xi măng N ký kết Hợp đồng mua bán hành hóa số 115/HĐMBHH-NHS ngày 30/4/2016 với nội dung cụ thể như sau: Công ty Cổ phần Xi măng N bán cho bà Đoàn Thị H là đại diện cho vật liệu xây dựng Hường sản phẩm là xi măng thương hiệu NHScement, faifoCem, HomeCem với khối lượng là 200 tấn xi măng các loại/ 01 năm, về đơn giá được quy định cụ thể tại Điều 1 của hợp đồng. Sau thời gian mua bán đến ngày 30/9/2016 theo biên bản đối chiếu công nợ số 96/ĐCCN-NHS bà Đoàn Thị H là đại diện cho vật liệu xây dựng Hường còn nợ Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền: 85.525.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn).

Ngày 31/10/2016 bà Đoàn Thị H (đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường, gọi tắt là bên B thanh toán cho Công ty Cổ phần Xi măng N gội tắt là bên A số tiền 6.445.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), số tiền bên B còn nợ lại bên A là 79.080.000 đồng (Bảy mươi chín triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Đến ngày 30/12/2016 theo biên bản thanh lý hợp đồng kiêm đối chiếu công nợ số 92/TLHD bên B vẫn còn nợ bên A với số tiền là 79.080.000 đồng (Bảy mươi chín triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngày 24/01/2017 bên B thanh toán cho bên A số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), số tiền bên B còn nợ lại bên A là 69.080.000 đồng (Sáu mươi chín triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Đến ngày 30/03/2017 theo giấy báo thanh toán nợ lần nhất số 02/BN-NHS bên B vẫn còn nợ bên A với số tiền là 69.080.000 đồng (Sáu mươi chín triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Đến ngày 28/06/2017 theo giấy báo thanh toán nợ lần hai số 07/BN-NHS bên B vẫn còn nợ bên A với số tiền là 69.080.000 đồng (Sáu mươi chin triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Sau đó đến ngày 18/9/2017 bên B thanh toán số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Ngày 13/12/2017 bên B thanh toán 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

Ngày 30/5/2018 bên B thanh toán 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

Ngày 31/11/2018 bên B thanh toán 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Ngày 9/10/2019 bên B thanh toán 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

Từ đó đến nay bên A đã nhiều lần cho người đến thu hồi nợ nhưng bên B không thanh toán và không chịu ký biên bản đối chiếu công nợ số tiền còn nợ lại.

Công nợ còn lại của bên B đến ngày 30/6/2020 là: 35.080.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Công ty Cổ phần Xi măng N đã nhiều lần yêu cầu bà Đoàn Thị H (đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) thanh toán số tiền hàng còn nợ nhưng bà Đoàn Thị H (đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) không có thiện chí trả nợ. Do đó, Công ty Cổ phần Xi măng N đã khởi kiện bà Đoàn Thị H.

Tại đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Xi măng N kính đề nghị Tòa án nhân dân Quận Cẩm Lệ - Thành Phố Đà Nẵng buộc bà Đoàn Thị H thanh toán tổng cộng số tiền phải trả cho bên A tính cả gốc và lãi là: 37.228.000 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi tám ngàn đồng). Trong đó tiền gốc là: 35.080.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng). Và tiền lãi theo lãi suất NH: 7%/năm x 1,5 = 10,5%/năm: 12 tháng = 0,875%/tháng. Từ ngày 01/11/2019 đến 30/6/2020 : 35.080.000 x 7 tháng X 0,875%/tháng = 2.148.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần tiền lãi đối với số tiền: 2.148.000 đồng, chỉ đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền còn lại theo biên bản đối chiếu công nợ là 35.080.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử nhưng bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) là bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2020 thì Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua xi măng còn nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 115/HĐMBHH-NHS ngày 30/4/2016 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2016, HĐXX xét thấy đây là tranh chấp giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại địa chỉ: 105 NT– 5C, phường Àn, quận L, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bà Đoàn Thị H (đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn

cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hường.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu buộc bà Đoàn Thị H (đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) thanh toán số tiền nợ còn lại là 35.080.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Đối với yêu cầu xin rút phần tiền lãi đối với số tiền: 2.148.000 đồng của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Đoàn Thị H không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đưa ra chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Hợp đồng mua bán hàng hóa số 115/HĐMBHH-NHS ngày 30/4/2016 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2016, giấy báo thanh toán nợ, bảng kê diễn giải số lượng nhập và số tiền đã thanh toán nợ là có căn cứ xác định: Ngày 30/4/2016, giữa Công ty Cổ phần Xi măng N và bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 115/HĐMBHH-NHS ngày 30/4/2016 về việc mua bán xi măng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Xi măng N đã thực hiện đúng các cam kết theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 30/9/2016, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, tại thời điểm này bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) còn nợ lại Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền 85.525.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn). Sau nhiều lần thanh toán tính đến ngày 30/6/2020 thì bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) còn nợ lại Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền 35.080.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng). Công ty Cổ phần Xi măng N đã nhiều lần có văn bản yêu cầu bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) vẫn không thực hiện. Do đó, HĐXX xét thấy có căn cứ bà Đoàn Thị H (đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) còn nợ Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền 35.080.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng). Việc bị đơn vi phạm

nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên mua quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đoàn Thị H (đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) thanh toán số tiền hàng còn nợ là 35.080.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xi măng N.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công ty Cổ phần Xi măng N được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 24, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại;

- Khoản 3 Điều 200 Luật Doanh nghiệp;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xi măng N đối với bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Buộc bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền là 35.080.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Xi măng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng

Hường) phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết phần tiền lãi của số tiền: 2.148.000 đồng mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị H(đại diện Hộ kinh doanh Vật liệu xây dựng Hường) phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Xi măng N được hoàn trả 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001491 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Lê Thị Ngọc Quyên